TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/KDTM-ST
Ngày 28-12-2017
V/v "*Tranh chấp hợp đồng gia công, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Thịnh

2. Bà Phạm Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2017/TLST-DS ngày 30/10/2017, về việc*"Tranh chấp hợp đồng gia công hàng hóa";* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-KDTM ngày 30-11-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST-KDTM ngày 14-12-2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng PK

Địa chỉ: Ấp x, xã y, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Văn T, cư trú tại: Ấp x, xã y, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chức vụ: Giám đốc) (Vắng mặt)

Bà Sam Thị Ngọc T, cư trú tại: Ấp x, xã y, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2017). (Có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần thép Q

Địa chỉ công ty: KCN MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông DVBR, trú tại 60, Tổ 3, khu phố Tân Phú, Phan Bội Châu, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016, Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng PK (Sau đây gọi tắt là Công ty PK) và Công ty cổ phần thép Q (Sau đây gọi tắt là Công ty Q), cùng ký kết các hợp đồng gia công, cung ứng dịch vụ và mua bán hàng hóa. Theo nội dung các hợp đồng đã ký kết, Công ty PK có nghĩa vụ thực hiện gia công thép cho các công đoạn đính, hàn, lắp khoan, lỗ, hoàn thiện, đồng thời cung ứng hàng hóa và dịch vụ cho Công ty Q. Sau khi Công ty PK thực hiện xong khối lượng công việc được giao và xuất đầy đủ hóa đơn, Công ty Q có nghĩa vụ kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm. Sau thời hạn 30 ngày kể từ khi xuất hóa đơn, Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho bên Công ty PK. Cụ thể như sau:

Ngày 19 tháng 08 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-NO/140801CU. Hóa đơn số: 0083172 với số tiền là: 156.520.782 đồng. Hóa đơn số: 0083178 với số tiền là: 171.220.500 đồng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-JO/141020CU. Hóa đơn số: 0083186 với số tiền là:118.220.960 đồng. Hóa đơn số: 0083197 với số tiền là: 186.464.520 đồng. Hóa đơn số: 0053612 với số tiền là: 95.761.380 đồng.

Ngày 19 tháng 12 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng cung cấp ống ngày 19/12/2014. Hóa đơn số: 0083194 với số tiền: 4.184.003 đồng.

Ngày 25 tháng 10 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-HO/141025CU. Hóa đơn số: 0083196 với số tiền là: 102.867.600 đồng. Hóa đơn số: 0053608 với số tiền là: 14.300.000 đồng.

Ngày 20 tháng 11 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-JO/141120CU. Hóa đơn số: 0083198 với số tiền là: 91.423.750 đồng. Hóa đơn số: 0053604 với số tiền là: 35.757.590 đồng.

Ngày 13 tháng 12 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK/NO-131214 với Công ty cổ phần thép Q. Hóa đơn số: 0053602 với số tiền là: 183.859.500 đồng. Hóa đơn số: 0053619 với số tiền là: 183.104.460 đồng.

Ngày 24 tháng 10 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK/BA/141024CU. Hóa đơn số: 0053603 với số tiền là: 172.894.810 đồng. Hóa đơn số: 0053607 với số tiền là: 180.479.350 đồng. Hóa đơn số: 0053609 với số tiền là: 17.363.362 đồng.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-YM/141222CU. Hóa đơn số: 0053605 với số tiền là: 652.243.856 đồng. Hóa đơn số: 0053610 ngày với số tiền là: 23.608.640 đồng.

Ngày 30 tháng 01 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-YM/150130 CU. Hóa đơn số: 0053614 với số tiền là: 52.800.000 đồng.

Ngày 28 tháng 01 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-NO/280115 với Công ty cổ phần thép Q. Hóa đơn số: 0053620 với số tiền là: 114.675.000 đồng.

Ngày 19 tháng 03 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-JO/150319CU. Hóa đơn số: 0053622 với số tiền là: 61.805.480 đồng. Hóa đơn số: 0053623 với số tiền là: 60.709.066 đồng. Hóa đơn số: 0053626 với số tiền là: 69.070.738 đồng. Hóa đơn số: 0021622 với số tiền là: 539.836.044 đồng.

Ngày 06 tháng 04 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng ngày 06/04/2015. Hóa đơn số: 0021617 với số tiền là: 40.673.908 đồng.

Ngày 13 tháng 04 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-JO/150410CU. Hóa đơn số: 0021615 với số tiền là: 184.763.700 đồng.

Ngày 12 tháng 03 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng ngày 12/03/2015. Hóa đơn số: 0021616 với số tiền là: 20.506.420 đồng.

Công ty PK thực hiện vận chuyển hàng hóa cho Công ty Q. Tổng 06 hóa đơn vận chuyển theo giấy ủy quyền. Tổng giá trị: 11.495.000 đồng.

Ngày 19 tháng 03 năm 2016, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-KO/160309. Hóa đơn số: 0021601 với số tiền là: 564.454.000 đồng.

Ngày 28 tháng 04 năm 2016, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: PK-QS-OY/160428/160309. Hóa đơn số: 0021626 với số tiền là: 439.956.000 đồng.

Ngày 19 tháng 03 năm 2016, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-KO/160309, phụ lục PK-QS-OY/AP/160617. Hóa đơn số: 0021644 với số tiền là: 358.710.000 đồng.

Công ty PK xếp dỡ hàng hóa cho Công ty Q. Đã xuất 01 Hóa đơn số: 0021612 với số tiền là: 9.130.000 đồng.

Ngày 24 tháng 05 năm 2016, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-VB-FT. Hóa đơn số: 0021650 với số tiền là: 264.087.120 đồng.

Ngày 05 tháng 06 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-IHI/150605CU. Hóa đơn số: 0021618 với số tiền là: 328.459.076 đồng.

Ngày 24 tháng 09 năm 2015, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-IHI/150429CU. Hóa đơn số: 0021619 với số tiền là: 154.158.840 đồng.

Ngày 23 tháng 03 năm 2016, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-BL/160323. Hóa đơn số: 0021602 với số tiền là: 93,410,460 đồng. Hóa đơn số: 0021630 với số tiền là: 164.248.450 đồng. Ngày 05/4/2016, Công ty PK và Công ty Q tiếp tục ký kết Phụ lục hợp đồng số: 1604-0001QS-PK ký ngày 05/04/2016, đã xuất 01 Hóa đơn số: 0021632 với số tiền là: 18.081.327 đồng.

Ngày 14 tháng 06 năm 2016, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-BL/160614. Hóa đơn số: 0021645 với số tiền là: 49.544.000 đồng.

Ngày 17 tháng 06 năm 2016, Công ty PK và Công ty Q ký kết hợp đồng số: QS-PK-BL/160617. Hóa đơn số: 0021633 với số tiền là: 47.024.010 đồng.

Tổng số tiền giao dịch theo các hợp đồng là 6.197.873.387 đồng (Sáu tỷ một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng).

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty PK đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng giữa Công ty PK và Công ty Q không có tranh chấp. Công ty Q đã xác nhận vào Biên bản nghiệm thu của từng hợp đồng. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, Công ty Q đã thanh toán được số tiền: 3.341.991.957 (Ba tỷ ba trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi bảy đồng). Đến nay theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 15/07/2016 thì Công ty Q còn nợ Công ty PK số tiền là: 2.855.886.430 đồng (Hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng).

Vì vậy Công ty PK yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử buộc Công ty Q phải hoàn trả tổng số tiền còn nợ là: 2.855.886.430 đồng *(Hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng)* và số tiền lãi theo quy định của ngân hàng Nhà nước Việt Nam tương ứng với số ngày chậm trả từ ngày 16/07/2016 đến ngày 26/10/2017 tổng cộng là 468 ngày là 400.966.455 (Bốn trăm triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng) có bảng tính lãi chi tiết kèm theo.

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty PK tự nguyện xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với Công ty Q.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty Q không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty Q phải thanh toán tiền nợ theo hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ đã cam kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện Công ty cổ phần thép Q, trụ sở: KCN MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, yêu cầu thanh toán tiền. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng gia công, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ".

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492033000096 sửa đổi lần 3 ngày 08-7-2014 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty cổ phần thép Q có trụ sở tại KCN MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông DVBR, hiện nay Công ty Q chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Theo Công văn số 973/ĐLTT-KDĐN ngày 03-7-2017 của Điện lực Tân Thành trả lời do Công ty Q nợ tiền điện nên đã bị ngừng cung cấp điện vào ngày 11-11-2016, Công văn số 01/2017/CV-HL ngày 03-7-2017 của Công ty CP dịch vụ và bảo vệ - vệ sĩ HL, là công ty bảo vệ cho Công ty Q, xác nhận do Công ty Q ngưng hoạt động từ ngày 14-11-2016, Công văn số 411/BQL-ĐT ngày 03-4-2017 của Ban quản lý các khu công nghiệp IDICO và Biên bản xác minh tại Đồn công an khu công nghiệp Phú Mỹ thì Công ty Q tự ngưng hoạt động và hiện nay không còn nhân viên đến làm việc.

Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Q, vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty Q là đúng quy định của pháp luật.

[3]*Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án*:

Quá trình tố tụng, bà Sam Thị Ngọc T được ủy quyền hợp lệ bằng văn bản, không bị rút hay thay đổi nên được tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án.

[4]*Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn*:

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Công ty PK và Công ty Q đã ký các hợp đồng kinh tế từ năm 2014 đến năm 2016, thể hiện qua 25 hợp đồng gia công, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Tổng giá trị các hợp đồng đã ký kết giữa hai bên là 6.197.873.387 đồng (Sáu tỷ một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng). Hiện nay Công ty Q đã thanh toán được số tiền: 3.341.991.957 (Ba tỷ ba

trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi bảy đồng) và hiện còn nợ Công ty PK số tiền là: 2.855.886.430 đồng (Hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng). Do Công ty Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng nên phát sinh tranh chấp đến Tòa án.

Xét hình thức của hợp đồng:

Khi giao kết hợp đồng, Công ty PK và Công ty Q được coi là pháp nhân theo quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005. Các Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên được thể hiện bằng hình thức văn bản, tự nguyện theo đúng quy định tại Điều 24, Điều 74, Điều 179 Luật thương mại. Đại diện ký tên trong hai hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai công ty theo quy định tại Điều 86, Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng gia công, cung ứng hàng hóa không nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hai công ty đã đăng ký với cơ quan nhà nước.

Do đó các hợp đồng giữa Công ty PK và Công ty Q được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Qua các chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy giao kết giữa Công ty PK và Công ty Q là đúng sự thật. Thể hiện Công ty PK đã hoàn thành nghĩa vụ gia công hàng hóa, cung ứng hàng hóa và dịch vụ cũng như xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Q đúng như nội dung hợp đồng đã ký kết. Do vậy Công ty PK đã hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng hóa được quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 79, Điều 182 Luật thương mại nên phía Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán tiền theo quy định tại Điều 50, Điều 85, Điều 183 Luật thương mại.

Theo các hóa đơn chứng từ có trong hồ sơ và Bảng đối chiếu công nợ ngày 15/07/2016 thì Công ty Q xác nhận hiện còn nợ Công ty PK số tiền là: 2.855.886.430 đồng (Hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng) nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc phía Công ty Q phải thanh toán số tiền còn nợ là 2.855.886.430 đồng (Hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng) cho phía Công ty PK.

Do Công ty PK tự nguyện rút yêu cầu Công ty Q trả tiền lãi do chậm thanh toán nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

Bị đơn trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được cung cấp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng

phía Công ty Q không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án nên coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty PK.

Công ty cổ phần Quatron phải nộp: 72.000.000 đồng + 2 % x 855.886.430 đồng = 89.117.728 (tám mươi chín triệu một trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 , Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 351 và 353 Bộ luật dân sự 2015; Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 42, Điều 50, Điều 55, Điều 79, Điều 85, Điều 178, khoản 1 Điều 180, Điều 181, Điều 182 và Điều 183 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng PK đối với Công ty cổ phần thép Q về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ".

1. Buộc Công ty cổ phần thép Q phải trả cho Công ty TNHHH đầu tư xây dựng Phạm Khang số tiền 2.855.886.430 đồng *(Hai tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu Công ty Q trả tiền lãi do chậm thanh toán.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Công ty cổ phần thép Q phải nộp 89.117.728 (tám mươi chín triệu bảy trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHHH đầu tư xây dựng Phạm Khang là 48.568.000 (Bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng)

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009289 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND H.Tân Thành;
- THADS H. Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Bảo Ngọc